

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao tài sản nhà nước cho Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng
Khu kinh tế quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06/01/2016 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định 52/2009/NĐ-CP ngày 03/06/2009 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước; Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 162/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 1658/STC-QLCSG ngày 22/6/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao tài sản nhà nước cho Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp, cụ thể như sau:

Tổng giá trị tài sản nhà nước giao cho đơn vị là 10.263.862.885 đồng (*Mười tỷ, hai trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi hai ngàn, tám trăm tám mươi lăm đồng*), trong đó:

- + Giá trị tài sản quyền sử dụng đất: 4.245.960.000 đồng;
- + Giá trị tài sản nhà cửa, vật kiến trúc: 4.318.455.408 đồng;
- + Giá trị tài sản phương tiện vận tải: 457.149.041 đồng;

+ Giá trị tài sản máy móc, thiết bị và tài sản khác: 1.242.298.436 đồng.

(Có danh mục tài sản nhà nước giao cho đơn vị kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế có trách nhiệm bảo toàn, phát triển vốn, tài sản nhà nước được giao; thực hiện quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Giám đốc Sở Tài chính; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Giám đốc Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, KTS. *lll*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Lê Ngọc Tuấn

**DANH MỤC TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
GIAO CHO ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ CHỦ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số **676** /QĐ-UBND ngày **18** tháng **7** năm 2017 của UBND tỉnh)

Tên đơn vị được giao tài sản: **Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế.**

Địa chỉ: **Thôn 7 - Thị trấn Plei Kần - Huyện Ngọc Hồi - Tỉnh Kon Tum.**

I- Về đất:

a- Diện tích khuôn viên đất: 17.691,5m2.

b- Giá trị theo sổ kế toán: 0 đồng.

c- Giá trị quyền sử dụng đất để đưa vào tính giá trị giao cho đơn vị quản lý: 4.245.960.000

II- Về nhà cửa, vật kiến trúc và các tài sản khác gắn liền với nhà, đất:

STT	Tài sản	Cấp hạng	Năm xây dựng	Ngày, tháng, năm sử dụng	Giá trị theo sổ sách kế toán (đồng)			Số tầng	DT xây dựng (m2)	Tổng DT sản xây dựng (m2)	Hiện trạng sử dụng (m2)							Giá trị tài sản đề nghị giao cho đơn vị (đồng)
					Nguyên giá		Giá trị còn lại				Trụ sở làm việc	Cơ sở HDSN	Sử dụng khác					
					Nguồn ngân sách cấp	Nguồn khác							Làm nhà ở	Cho thuê	Bỏ trống	Bị lấn chiếm	Khác	
1	Nhà làm việc chính	III	2013	2013	4.595.069.989	0	4.043.661.589	02	359,27	727,55	6.500						11.191,5	4.043.661.589
2	Nhà khác																	
	Nhà kho, Gara xe		2013	2013		314.902.727	220.431.908											220.431.908
	Nhà chứa chất thải nguy hại tại Nhà máy xử lý nước thải KCN Hòa Bình		2015	2015		31.940.909	28.746.818											28.746.818
	Nhà chứa chất thải nguy hại tại Nhà máy cấp nước		2016	2016		14.481.400	13.515.973											13.515.973
	Nhà sinh hoạt tại Nhà máy cấp nước		2016	2016		12.099.120	12.099.120											12.099.120
	Tổng cộng				4.595.069.989	373.424.156	4.318.455.408		359,27	727,55	6.500						11.191,5	4.318.455.408

Chức

**DANH MỤC TÀI SẢN LÀ PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ
VÀ TÀI SẢN KHÁC GIAO CHO ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ CHỦ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số **676** /QĐ-UBND ngày **18** tháng **4** năm 2017 của UBND tỉnh)

STT	Tài sản	Nhãn hiệu	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi/tải trọng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Ngày, tháng năm sử dụng	Giá trị theo sổ sách kế toán (đồng)			Hiện trạng sử dụng			Giá trị tài sản đề nghị giao cho đơn vị (đồng)
								Nguyên giá		Giá trị còn lại	Hoạt động sự nghiệp		HĐ khác	
								Nguồn ngân sách	Nguồn khác		Kinh doanh	Không KD		
	1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	15	16	17	18
I	Phương tiện vận tải							693.000.000	389.959.636	457.149.041				457.149.041
1	Xe ô tô	FORD, TRANSITFCC	83B-0740	16	Việt Nam	2009	2010	693.000.000	85.271.000	333.637.224		x		333.637.224
2	Xe ô tô tải CUULONG						2010		288.325.000	115.330.000				115.330.000
3	Xe gắn máy Honda JC431 Wasve 110	CT-26E					2011		16.363.636	8.181.817				8.181.817
II	Trang thiết bị							1.446.246.810	1.089.479.545	1.205.071.163				1.205.071.163
1	Máy vi tính xách tay Sony Vaio SVE 14135CX	CT-02C							16.800.000	6.720.000				6.720.000
2	Máy vi tính xách tay DELL N3521-V5	CT-02D						11.850.000		7.110.000				7.110.000
3	Máy vi tính xách tay DELL DVF M4 3421	CT-02E						10.950.000		6.570.000				6.570.000
4	Máy vi tính xách tay HP	CT-02F						14.200.000		11.360.000				11.360.000
5	Máy in kim Epson LQ 2190	CT-NMCN-03M							14.545.455	5.818.182				5.818.182
6	Máy Photocopy TOSHIBA 453	CT-VPGD-03 (2)							30.000.000	15.000.000				15.000.000
7	Máy Photocopy TOSHIBA 455	CT-VPCT-03 (3)							23.000.000	14.375.000				14.375.000
8	Máy Photocopy Toshiba E-STUDIO 455	CT-VPDD-03 (4)							22.500.000	16.875.000				16.875.000
9	Bộ bàn hội trường gỗ CN phun PU (1,2 x 0,5 x 0,76) m	CT-23						18.000.000		4.500.000				4.500.000
10	Bộ ghế hội trường bằng gỗ (1*0,4*0,42)m	CT-24						22.500.000		5.625.000				5.625.000
11	Bộ bàn ghế tiếp khách	CT-VPGD-22A							17.000.000	12.750.000				12.750.000
12	Bộ bàn ghế saloong gỗ tiếp khách	CT-VPDD-22C							25.400.000	22.225.000				22.225.000

13	Máy Điều hoà SHARP	CT-VPĐD-QPT01						15.600.000	1.950.000				1.950.000
14	Xe nước mía siêu sạch	CT-26D						20.475.000	10.237.500				10.237.500
15	Màn hình tivi LCD LG 42inch	CT-34					10.340.000		2.068.000				2.068.000
16	Hệ thống Camera quan sát	CT-32					42.020.000		8.404.000				8.404.000
17	Kệ đôi trưng bày hàng hóa (kệ mắc nối tiếp 5 bộ/dãy) D1200 x R900 x C1500 x 4 tầng	CT-31					164.623.810		82.311.906				82.311.906
18	Máy đào bánh xích hiệu DEAWOO DH220LC							850.909.090	319.090.909				319.090.909
19	Máy xúc lật hiệu KAWASAKI KLD6						870.763.000		435.381.500				435.381.500
20	Máy phát điện Hoda mã hàng EKB 6500	CT-33						19.850.000	9.925.000				9.925.000
21	Máy khuấy 4 vị trí – Hiệu VELP						85.500.000		54.150.000				54.150.000
22	Máy đo nồng độ Chlorine – Hiệu HACH (USA)						15.000.000		9.500.000				9.500.000
23	Máy đo độ đục cầm tay – Hiệu HACH (USA)						31.800.000		20.140.000				20.140.000
24	Máy đo pH cầm tay – Hiệu HACH (USA)						17.250.000		10.925.000				10.925.000
25	Cân phân tích – Hiệu CAS						14.450.000		9.151.667				9.151.667
26	Máy chưng cất nước – Hiệu BASIC (Ấn Độ)						12.000.000		7.600.000				7.600.000
27	Máy hàn ống HDPE bằng thủy lực, phạm vi cỡ ống hàn từ (110 - 315) mm (Trung Quốc)						105.000.000		66.500.000				66.500.000
28	Máy châm Clo ECO-CHLOP/USA							16.700.000	13.360.000				13.360.000
29	Máy châm Clo ECO-CHLOP/USA							16.700.000	15.447.500				15.447.500
III	Tài sản khác						0	45.000.000	37.227.273				37.227.273
1	Pano công bố quy hoạch sử dụng đất cụm CN ĐắkLa					2014		10.909.091	6.545.455				6.545.455
2	Hệ thống chống sét đánh thẳng tại Nhà máy XLNT KCN Hòa Bình					2015		34.090.909	30.681.818				30.681.818
	Tổng cộng						2.139.246.810	1.524.439.181	1.699.447.477				1.699.447.477

Handwritten signature